

Bản án số: 562/2020/HC-PT

Ngày 22-9-2020

V/v Khiếu kiện QĐHC trong lĩnh vực
quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Yên

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hồng Phong

Ông Phan Nhựt Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Nguyễn Hữu Hậu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 22 tháng 09 năm 20120, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 494/2019/TLPT-HC ngày 26 tháng 8 năm 2019 về việc: Khiếu kiện Quyết định hành chính trong quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 591/2019/HC-ST ngày 03 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3454/2020/QĐPT-HC ngày 04 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: bà Nguyễn Ngọc D

Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Hải L, sinh năm 1988; địa chỉ: C214 T2, Lý Văn Thức, phường Tân Định, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phan Viết Tr thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức

Địa chỉ: 43 Nguyễn Văn Bá, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu Anh T, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Lê Công Đ, chức vụ: Chuyên viên Bồi thường giải phóng mặt bằng quận Thủ Đức; Ông Nguyễn Trí Đ, chức vụ: Chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường quận Thủ Đức; Bà Trần Thị Thùy Tr, chức vụ: Công chức địa chính, xây dựng phường Trường Thọ, quận Thủ Đức; có mặt ông Lê Công Đ.

- Người kháng cáo: bà Nguyễn Ngọc D và đại diện theo ủy quyền.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ngày 26/6/2017; Đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 16/10/2017, 05/12/2017 và 12/12/2017; Biên bản không tiến hành đối thoại được ngày 16/01/2019 người khởi kiện bà Nguyễn Thị D do ông Trương Tiến Tr đại diện trình bày:*

Phần đất có diện tích 61,3m² (đất ở mặt tiền đường: 48,9m², đất hẻm 12,4m²) bị thu hồi có nguồn gốc do ông Nguyễn Văn T tạo lập, quản lý sử dụng từ trước năm 1975 và đã được Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất vào năm 2008, đến năm 2010 thì chuyển đổi cho bà D quản lý sử dụng đến nay. Bà D đã được Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức cấp Giấy chứng nhận số B200717 ngày 8/10/2010 với tổng diện tích là 237,1m²; diện tích sàn là 160,7m² thuộc thửa 446 - tờ bản đồ số 70 bộ địa chính, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức (thửa cũ 51, một phần thửa 58, 59). Trong quá trình cấp giấy chứng nhận cho cha bà D năm 2008 và sau đó cấp đổi cho bà D năm 2010 do các cơ quan chức năng quận Thủ Đức (Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân phường Trường Thọ và Phòng Tài nguyên - Môi trường) thực hiện và cơ quan thuế Thủ Đức đều xác định đất ở của gia đình bà D thuộc vị trí mặt tiền Đường số 2 (nay là đường Trường thọ) để nộp tiền sử dụng đất và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế cho nhà nước.

Ngày 05/9/2013, Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức có Quyết định thu hồi số 5205/QĐ-UBND ngày 05/9/2013 với diện tích là 48,9m² và Quyết định số 3386/QĐ-UBND ngày 07/6/2017 thu hồi bổ sung phần diện tích đất 12,4m².

Ngày 09/6/2017, Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức có Quyết định số 3480/QĐ-UBND chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ của dự án với tổng số tiền là 453.996.840đồng, phần diện tích đất ở vị trí mặt tiền đường 48,9m² của gia đình bà D chỉ được bồi thường theo vị trí cấp hẻm có đơn giá là 7.023.000đ/m² mà không phải theo vị trí đất ở mặt tiền đường như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất số B200717 ngày 8/10/2010 và thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất số 257/TB-CCT ngày 22/9/2008. Ngoài ra, trong quyết định trên thì phần bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất (nhà, công trình, vật kiến trúc trên đất) thì diện tích bồi thường, hỗ trợ

chưa đúng và phù hợp với thực tế như hiện trạng đã được Hội đồng bồi thường dự án kiểm kê và lập biên bản kiểm kê ngày 27/11/2013; Trong đó có một số hạng mục công trình bị ảnh hưởng khi tháo dỡ, giải tỏa bàn giao mặt bằng nhưng không được tính để bồi thường, hỗ trợ như đã kiểm kê, cụ thể là các hạng mục số 1,2,3,5 tại Biên bản kiểm kê hiện trạng ngày 27/11/2013.

Với những lý do trên, bà Nguyễn Thị D yêu cầu hủy một phần Quyết định số 3480/QĐ-UBND ngày 09/6/2017 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Ngọc D đối với phần diện tích 49,8m² và phần tài sản gắn liền với đất (nhà, công trình, vật kiến trúc trên đất) đã được kiểm kê trong biên bản kiểm kê hiện trạng nhà đất ngày 27/11/2013 và chi trả thêm số tiền chậm trả 402.111.572 đồng theo quy định của Luật quản lý thuế tính từ tháng 01/01/2014 đến ngày 18/7/2017. Bà D rút yêu cầu khởi kiện đối với Quyết định thu hồi số 5205/QĐ-UBND ngày 05/9/2013 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức.

** Tại Bản tự khai ngày 3892/UBND-GPMB ngày 08/9/2017, người bị kiện Ủy ban nhân dân quận quận Thủ Đức trình bày:*

Ngày 05/9/2013, Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức ban hành Quyết định số 5205/QĐ-UBND về thu hồi phần đất diện tích 48,9m² (thuộc một phần thửa số 446, tờ bản đồ số 70, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH 00540 do Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức cấp ngày 08/10/2010) do bà Nguyễn Ngọc D sử dụng để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng đường Trường Thọ, tại phường Trường Thọ và Linh Đông, quận Thủ Đức;

Ngày 7/6/2017, Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức ban hành Quyết định số 3386/QĐ-UBND về thu hồi bổ sung phần đất diện tích 12,4m² do bà Nguyễn Thị D (đại diện khai trình) để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng đường Trường Thọ, tại phường Trường Thọ và Linh Đông, quận Thủ Đức.

Căn cứ Biên bản kiểm tra hiện trạng; giấy xác nhận nguồn gốc nhà, đất và Phương án số 15/PA-HĐBT ngày 01/4/2014 của Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng của dự án nâng cấp mở rộng đường Trường Thọ, tại phường Trường Thọ và phường Linh Đông, quận Thủ Đức (được Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức phê duyệt tại Quyết định số 1841/QĐ-UBND ngày 02/4/2014); Văn bản số 3265/UBND-ĐT ngày 29/5/2017 của Ủy ban Thành phố, ngày 09/6/2017, Hội đồng bồi thường mặt bằng của dự án lập Biên bản trị giá bồi thường, hỗ trợ đất và tài sản trên đất số 199/BB-BT đối với bà Nguyễn Ngọc D với tổng số tiền là 453.996.840 đồng.

Ngày 09/6/2017, Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức ban hành Quyết định số

3480/QĐ-UBND về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ trong dự án nâng cấp mở rộng đường Trường Thọ trên địa bàn quận Thủ Đức đối với bà Nguyễn Ngọc D với số tiền là 453.996.840 đồng.

Về trình tự thủ tục thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ đối với trường hợp bà D đã được Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức thực hiện theo quy định của Luật Đất đai 2003, các Nghị định thi hành Luật Đất Đai 2003, Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và Phương án số 15/PA-HĐBT ngày 01/4/2014.

Đối với nội dung bà Nguyễn Ngọc D yêu cầu tính lãi suất chậm trả: Phần diện tích đất 48,9m² bị giải tỏa của bà Nguyễn Ngọc D thuộc hẻm cấp 1, vị trí 4 đường Trường Thọ có đơn giá bồi thường 7.027.000đồng/m² được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt tại Văn bản số 3265/UBND-ĐT ngày 29/5/2017 là cao hơn đơn giá đất do Ủy ban nhân dân Thành phố công bố tại Bảng 6 bảng giá đất ở quận Thủ Đức ban hành kèm Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 và điểm a Khoản 2 Điều 9 Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức đã chiết tính bồi thường, hỗ trợ phần diện tích đất bị giải tỏa cho bà D là đúng quy định. Do đó, yêu cầu tính lãi suất do chậm trả là không có cơ sở.

Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức giữ nguyên Quyết định số 5205/QĐ-UBND ngày 05/9/2013 và Quyết định số 3480/QĐ-UBND ngày 09/6/2017 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 591/2019/HCST ngày 03 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Căn cứ Khoản 1 và Khoản 2 Điều 3, điểm a Khoản 1 Điều 30, Khoản 4 Điều 32, điểm c Khoản 2 Điều 116, Khoản 1 Điều 156, Khoản 1 Điều 157, điểm a Khoản 2 Điều 193, Điều 194, Khoản 1 Điều 206 của Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 138 Luật đất đai năm 2003;

Căn cứ Khoản 2 Điều 28 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 127 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Điều 30, Điều 31 của Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất,

thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Căn cứ Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

Căn cứ Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc D yêu cầu hủy một phần Quyết định số 3480/QĐ-UBND ngày 09/6/2017 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Ngọc D đối với phần diện tích 49,8m² và phần tài sản gắn liền với đất (nhà, công trình, vật kiến trúc trên đất) đã được kiểm kê trong biên bản kiểm kê hiện trạng nhà đất ngày 27/11/2013; Chi trả thêm số tiền 402.111.572 đồng theo quy định của Luật quản lý thuế từ ngày 01/01/2014 đến ngày 18/7/2017 do việc chậm trễ lập hồ sơ và chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc D về hủy Quyết định thu hồi số 5205/QĐ-UBND ngày 05/9/2013 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/6/2019, người khởi kiện là bà Nguyễn Ngọc D và đại diện theo ủy quyền là ông Phan Viết Tr có đơn kháng cáo đề nghị sửa toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Người khởi kiện và giữ nguyên bản án số 591/2019/HC-ST ngày 03/6/2019 về việc khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ ý kiến của Viện kiểm sát, của người khởi kiện, người bị kiện.

‘NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về hình thức đơn kháng cáo của người khởi kiện trong hạn luật định nên chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Ngày 10/06/2019 người khởi kiện bà Nguyễn Ngọc D và đại diện theo ủy quyền là ông Phan Viết Tr kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu hủy một phần quyết định số 3480/QĐ-UBND ngày 09/6/2017 về việc chi trả tiền bồi thường và thanh toán số tiền chậm trả là 437.922.263 đồng.

Đối chiếu với bản án sơ thẩm đã xét xử thì thấy:

[1] Về đối tượng khởi kiện: cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện là quyết định số 3480/QĐ-UBND ngày 09/6/2017 của Ủy ban nhân dân Quận Thủ Đức về việc bồi thường, hỗ trợ trong dự án nâng cấp mở rộng đường Trường Thọ trên địa bàn quận Thủ Đức là đúng quy định.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ Điều 116 Luật tố tụng hành chính, cấp sơ thẩm xác định còn thời hiệu là có căn cứ.

[3] Xét tính hợp pháp và thẩm quyền ban hành quyết định số 3480 là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính thì thấy:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 127 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003; khoản 2 Điều 28 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Điều 42, 44 Luật Đất đai năm 2003 và Điều 30, 31 Nghị định 169/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định về bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong lĩnh vực đất đai thì quyết định số 3480 được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục.

[4] Xét nội dung của quyết định số 3480 thì thấy:

[4.1] Phần đất bị thu hồi có diện tích là 48,9m² thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Ngọc D. Căn cứ công văn số 89/UBND ngày 25/02/2015 của Ủy ban nhân dân phường Trường Thọ về việc xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng và vị trí nhà, đất bị giải tỏa và theo công văn số 866/UBND ngày 03/12/2015 thì: “Vị trí tiếp giáp mặt tiền đường số 2 đã được Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền trên đất số AG 484476 ngày 10/10/2006 do ông Nguyễn Đức Hạnh đứng tên. Do đó, lối đi trên không phải là lối đi hợp pháp của bà D. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở có tài sản gắn liền trên đất số BD 200714 ngày 8/10/2010 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức cấp cho bà D thì lối đi của gia đình bà D là hẻm 61, đường số 2 có chiều dài 31m, chiều rộng 1,4m, vị trí đất của bà Nguyễn Ngọc D không có một mặt tiếp đường Trường Thọ”.

Theo công văn số 7575/HD-LS ngày 07/8/2008 của Sở Tài Chính – Cục thuế- Sở Xây dựng- Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh quy định về nguyên tắc áp dụng đơn giá đất ở, khu đất, thửa đất có vị trí mặt tiền đường được xác định bởi địa chỉ hoặc số thửa trong bản đồ địa chính và là phần

diện tích có ít nhất một mặt tiếp giáp với lề đường hiện hữu; đồng thời quy định nguyên tắc xác định vị trí hẻm là dựa vào chiều rộng nhỏ nhất của hẻm mà muốn vào vị trí đất đó phải đi qua...- vị trí 4: có chiều rộng hẻm dưới 2m được trải đá, trải nhựa hoặc bê tông, xi măng...Hẻm cấp 1: là hẻm có vị trí tiếp giáp với mặt tiền đường. Đơn giá đất của hẻm cấp 1 được xác định theo hệ số vị trí so với đơn giá đất mặt tiền đường.

Từ những căn cứ trên, cấp sơ thẩm xác định diện tích 48,9m² thuộc một phần thửa số 466, tờ bản đồ số 70 bị thu hồi của bà Nguyễn Ngọc D không có tiếp giáp với lề đường hiện hữu (Đường số 2) mà nằm ở vị trí hẻm cấp 1, vị trí 4.

Bà D, ông Tr cho rằng phần 48,9m² gắn liền với phần đất 19,5m² thuộc thửa đất số 52, tờ bản đồ số 70, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức được gia đình làm sân và lối đi trực tiếp ra đường số 2 mà ông Nguyễn Hồng Phúc và bà Phạm Thị Hương đã trả lại được bồi thường mặt tiền đường nên phần đất 48,9m² cũng thuộc vị trí mặt tiền đường.

Xét thấy phần đất số 19,5m² thuộc thửa số 52, tờ bản đồ số 70, phường Trường Thọ tiếp giáp mặt tiền đường số 2 còn phần đất 48,9m² thuộc thửa 51-1; 59-1; 59-2 tờ bản đồ số 70, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức tiếp giáp với thửa 52, không tiếp giáp trực tiếp với Đường số 2 hiện hữu. Do đó, xác định diện tích 48,9m² không phải nằm ở vị trí mặt tiền đường mà nằm ở vị trí hẻm cấp 1, vị trí 4.

Bà D cho rằng trong quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ủy ban nhân phường Trường Thọ và Phòng Tài nguyên và môi trường đều xác định vị trí đất ở của bà D đều thuộc mặt tiền Đường số 2 và bà đã nộp thuế ở vị trí mặt tiền đường. Vấn đề này có sự nhầm lẫn của cơ quan thuế. Do đó, chi cục thuế quận Thủ Đức đã thực hiện thủ tục về việc hoàn thuế đối với số tiền đã nộp vào ngân sách nhà nước nhưng bà D từ chối nhận tiền hoàn thuế.

[4.2] Về đơn giá bồi thường hỗ trợ đất: căn cứ khoản 3 Mục VI Phần IV của phương án số 15/PABT-HĐBT ngày 01/4/2014 ban hành kèm theo Quyết định số 1841/1Đ-UBND ngày 02/4/2014 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức quy định đối với hẻm rộng dưới 2m, hẻm cấp 1, vị trí 4 đường Trường Thọ, quận Thủ Đức là 7.027.000 đồng/m². Do đó, quyết định số 3480/QĐ-UBND bồi thường cho bà D là 7.027.000 đồng/m² là đúng quy định.

[4.3] Về bồi thường nhà ở công trình vật, kiến trúc: căn cứ điểm a khoản 1 Mục II phần V của phương án số 15/PABT-HĐBT ngày 01/4/2014 thì phần mái tole (sắt, tole, 0, xây lưới B40) có diện tích là 22,8m² xây dựng sau ngày 01/7/2004 thì không được bồi thường, hỗ trợ là đúng quy định. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của bà D là có căn cứ.

[4.4] Yêu cầu chi trả tiền bồi thường và thanh toán số tiền chậm trả là 437.922.263 đồng.

Xét thấy ngày 05/9/2013, Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức ban hành quyết định số 5205/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích 48,9m² của bà D với đơn giá đất là 7.027.000 đồng/m², là cao hơn đơn giá đất đường Trường Thọ (Đường số 2) đoạn từ Xa lộ Hà Nội đến Cầu Sắt là 4.800.00 đồng/m² tại Bảng 6 bảng giá đất ở quận Thủ Đức ban hành kèm theo quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố. Do đó, Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức đã chiết tính bồi thường đúng nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của bà D là có căn cứ.

[5] Nhận định của Tòa án: xét thấy, cấp sơ thẩm xét xử phù hợp theo quy định của pháp luật và tại phiên tòa hôm nay phía người khởi kiện kháng cáo nhưng cũng không đưa ra được những chứng cứ khác ngoài những chứng cứ đã được xem xét ở cấp sơ thẩm nên không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Ngọc D và ông Phan Viết Tr.

Tại phiên tòa ngày hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Do kháng cáo của người khởi kiện không được chấp nhận nên phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 241 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015

Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Ngọc D, đại diện theo ủy quyền của bà D là ông Phan Viết Tr;

Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 591/2019/HC-ST ngày 03/06/2019 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư” của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

- Về án phí: Buộc bà Nguyễn Ngọc D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm nhưng được khấu trừ theo biên lai thu số AA/2018/0025966 ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các thẩm phán

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phạm Hồng Phong Phan Nhựt Bình

Phan Văn Yên

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND CC tại TP Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Sở tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (4);
- Lưu (DTTP 16)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Văn Yên